

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Đặng Thị Thanh A**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Phước T 1, xã T, thành phố B, tỉnh B

- Bị đơn: **Anh Trần Văn T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện V, tỉnh N

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Đặng Thị Thanh A**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Phước 1, xã T, thành phố B, tỉnh B

- Bị đơn: **Anh Trần Văn T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện V, tỉnh N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1: Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị Thanh A và anh Trần Văn T cùng xác nhận vợ chồng có một con chung: Cháu là Trần Thiện N, sinh ngày 22/5/2012. Hiện nay cháu đang ở với chị A. Chị A anh T thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Trần Thiện N cho chị Đặng Thị Thanh A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Trần Thiện N đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị Đặng Thị Thanh A và anh Trần Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh A phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại chị Đặng Thị Thanh A 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0003920 ngày 07/5/2021

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án DS huyện V
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành